

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HS - ST

Ngày 10 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi
2. Ông Nguyễn Xuân Anh

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Ông Đặng Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2025/TLST - HS ngày 20 tháng 02 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1968 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Lê Thị N; vợ: Hà Thị Thu H1, bị cáo có 02 con; con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000. Nhân thân: Ngày 18/10/1991 Công an tỉnh T bắt về hành vi Trộm cắp tài sản. Qua xác minh không có hồ sơ trong hệ thống sổ sách đăng ký thủ tục tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, không có thông tin về hành vi trên của Trần Văn T; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 22/12/2024 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn B, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1965 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình

độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nhâm Thị M (đã chết); vợ: Đỗ Thị N1; nhân thân: Tháng 11/1991 nghiện hút ma túy bị Công an huyện Đ, tỉnh Thái Bình bắt quả tang giữ 9 ngày cảnh cáo. Bản án số 08 ngày 01/4/1992 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Văn B 15 tháng tù giam về tội: “Trộm cắp tài sản của công dân”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/12/1992; xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thì bị cáo B không còn phải thi hành án phần án phí. Về phần trách nhiệm dân sự bị cáo B đã bồi thường xong cho các bị hại; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2024 đến ngày 22/12/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Hà Thị Thu H1, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (có mặt);

* *Người chứng kiến:*

1. Anh Nguyễn H2, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Số nhà A, ngõ E, đường N, tổ A, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt);

2. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Số nhà C, đường P, tổ I, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 16/12/2024, Nguyễn Văn B đến nhà Trần Văn T chơi. Đến khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, T và B đều có nhu cầu sử dụng ma túy nên đã bàn với nhau đi mua ma túy về sử dụng. T và B thống nhất mỗi người góp 500.000 đồng để mua ma túy nhưng B không có tiền, nên T đã bỏ ra 1.000.000 đồng trước còn B sẽ có trách nhiệm trả lại 500.000 đồng cho T, mua được ma túy về thì chia nhau, phần của ai người đó tự sử dụng. Sau khi thống nhất, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD, màu vàng - nâu - bạc, biển kiểm soát 17B3 - 347.80 chở B đến khu vực ngã tư đường T giao đường T, thuộc phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình thì gặp và mua 01 túi ma túy, loại Heroine với giá 1.000.000 đồng của một người phụ nữ khoảng 30 tuổi nhưng không biết tên, địa chỉ, T cất túi ma túy vừa mua vào trong túi áo khoác ngoài bên phải, phía trước của T đang mặc rồi điều khiển xe mô tô chở B đi về. Đến khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày, khi T và B đang dừng xe đợi đèn đỏ tại khu vực ngã tư đường T giao đường L thuộc tổ I, phường B, thành phố T thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T phối hợp với Công an phường B, thành phố T tuần tra phát hiện. Tại đây trước sự chứng kiến của anh Nguyễn H2 và ông Trần Văn Đ, T tự giác lấy từ túi áo khoác ngoài

bên phải, phía trước của T đang mặc ra giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục và khai nhận đó là ma túy, loại Heroine của T và B vừa mua về, mục đích để sử dụng cho bản thân. Cùng ngày Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của Trần Văn T và Nguyễn Văn B nhưng không phát hiện, thu giữ gì.

Tại phiên Tòa các bị cáo T, B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 36/CT- VKSTPTB ngày 19/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng số 36/CT- VKSTPTB và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/12/2024; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/12/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Các bị cáo T, B đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố, không trình bày lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo T, B nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Các bị cáo, người chứng kiến không khiếu nại hay có ý kiến gì nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên Tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản niêm phong tài liệu, đồ vật bị tạm giữ; kết luận giám định số 1842/KL-KTHS ngày 20/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Heroine), có khối lượng 1,7762 gam; lời khai của người chứng kiến là anh Nguyễn H2 và ông Trần Văn Đ; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị Thu H1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 10 phút ngày 16/12/2024, tại khu vực ngã tư đường T giao đường L thuộc tổ I, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T phối hợp với Công an phường B, thành phố T phát hiện, bắt quả tang bị cáo Trần Văn T có hành vi tàng trữ trong người 01 túi ma túy, loại Heroine, có khối lượng 1,7762 gam. Đây là túi ma túy của các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn B góp tiền mua chung để về chia nhau, mục đích để sử dụng cho bản thân.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy : “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:... c) **Heroin, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam**...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3]. Đánh giá tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo T, B là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của nhà nước. Bị cáo Trần Văn T khởi xướng dùng phương tiện, rủ rê bị cáo Nguyễn Văn B góp tiền chung mua ma túy về chia nhau để sử dụng do đó vai trò của bị cáo T xếp thứ nhất, bị cáo Nguyễn Văn B giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Hành vi của các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn B đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

[4.1]. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn B đều thành khẩn khai báo, nên cả hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo T, B đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt:

[5.1]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo và nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần thiết phải xử phạt các bị cáo T, B bằng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân tốt đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo T xếp vai trò thứ nhất bị cáo B giữ vai trò thứ hai trong vụ án nhưng bị cáo B có nhân thân xấu và đã bị kết án nên cần xử phạt bị cáo T và bị cáo B mức án ngang bằng nhau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5.2]. Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo T đã từng bị bắt về hành vi Trộm cắp tài sản; bị cáo B đã bị kết án về tội: “Trộm cắp tài sản”, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo, phạt bổ sung mỗi bị cáo 5.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

[6]. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6.1]. Đối với số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là chất bị nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6.2]. Đối với một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead màu đen vàng – nâu – bạc, biển kiểm soát 17B3- 347.80 là tài sản hợp pháp của chị Hà Thị Thu H1, sinh năm 1971, trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Ngày 16/12/2024, chị H1 không biết, không liên quan đến việc bị cáo T sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy, nên cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại chị H1 chiếc xe trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6.3]. Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPOP màu đen đã cũ Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại chiếc điện thoại trên cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Về nguồn gốc số ma túy bị cáo Trần Văn T khai mua của 01 người phụ nữ khoảng 30 tuổi nhưng không biết tên và địa chỉ tại khu vực ngã tư đường T giao đường T, thuộc phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[8]. Về án phí: Các bị Trần Văn T, Nguyễn Văn B phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo T, B và chị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn B phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 16/12/2024); phạt bổ sung bị cáo Trần Văn T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 16/12/2024); phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn B 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo Trần Văn T còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 1842/KL-KTHS (MT) của Phòng K Công an tỉnh T.

3.2. Chấp nhận Cơ quan điều tra trả một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead màu đen vàng – nâu – bạc, biển kiểm soát 17B3- 347.80 cho chị Hà Thị Thu H1.

3.3. Trả lại 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPOP màu đen đã cũ cho bị cáo Trần Văn T.

(Toàn bộ số vật chứng trên Cơ quan điều tra Công an thành phố T đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có đặc điểm mô tả như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/02/2025).

4. Về án phí: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Thu H1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Thị T2

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- QCSĐT Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình/Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh

